

Chuyển đổi đức tin trong đời sống tôn giáo của người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ

Nguyễn Ngọc Quỳnh^(*)

Nguyễn Thị Quế Hương^(**)

Tóm tắt: Đối với người Khmer, Phật giáo là tôn giáo truyền thống, từ lâu đã hòa quyện vào văn hóa tộc người, trở thành yếu tố cốt lõi trong văn hóa của tộc người này; ngôi chùa từ lâu đã trở thành biểu tượng “hồn cốt” của người Khmer. Người ta thường đồng nhất người Khmer là tín đồ của Phật giáo Nam tông, tuy nhiên trên thực tế không phải mọi người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ đều theo Phật giáo Nam tông, trong lịch sử và trong thời gian gần đây. Do nhiều nguyên nhân khác nhau mà một số người Khmer đã gia nhập các tôn giáo khác có mặt trên vùng đất Nam Bộ. Bài viết làm rõ tình hình chuyển đạo, cải đạo của người Khmer sang Công giáo, Tin Lành thời gian qua.

Từ khóa: Phật giáo, Phật giáo Nam tông, Người Khmer, Phật giáo Nam tông Khmer, Tây Nam Bộ

Abstract: For Khmer people, Buddhism is the traditional religion, and has long been integrated into ethnic culture, becoming a core element of Khmer national culture. The pagoda has long become a symbol of the «soul» of the Khmer people. People often identify Khmer people as followers of Theravada Buddhism. However, in reality, not all Khmer people in the Southwest follow Theravada Buddhism, historically and in recent times. Due to many different reasons, some Khmer people have joined other religions present in the Southern region. The article clarifies the conversion situation of Khmer people change from Theravada to Catholic and Protestantism in recent times.

Keywords: Buddhism, Theravada, Khmer people, Khmer Theravada Buddhism, Southwest Region

Ngày nhận bài: 22/3/2023; Ngày duyệt đăng: 15/6/2024

1. Mở đầu

Đức tin tôn giáo được thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau, tuy nhiên thường được thể hiện rõ nhất ở tư tưởng,

đôi tượng phụng thờ, kinh điển và những thực hành lễ nghi của tôn giáo đó.

Chuyển đổi đức tin tôn giáo được hiểu đơn giản là những người đang theo một tôn giáo nào đó mà từ bỏ để chuyển niềm tin sang một tôn giáo khác so với tôn giáo của họ và cộng đồng của họ đã và đang theo. Theo Trương Văn Chung (2017: 26), khái niệm biến đổi tôn giáo chỉ sự vận động, thay đổi của một bộ phận hoặc các yếu tố cơ bản trong đời sống tôn giáo; sự thay đổi tôn giáo

^(*) TS., Ban Tôn giáo, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Email: quynhqlkh.vass@gmail.com

^(**) TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: quehuongtg@gmail.com

thể hiện ở cả bốn thành tố: giáo lý, niềm tin, hệ thống nghi lễ và tổ chức giáo hội. Đỗ Quang Hưng (2015) cho rằng: Chuyển đổi tôn giáo ngày nay được hiểu không chỉ là sự biểu hiện của những xu hướng, những hiện tượng tôn giáo quen thuộc như việc cải đạo (convertir), sự chuyển biến của các giáo phái, hệ phái, mà còn là sự biến đổi chiều sâu từ trong lòng các thực thể tôn giáo, trước hết là sự chuyển biến của tính tôn giáo, tâm thức tôn giáo, tình cảm tôn giáo... vốn là những khái niệm căn bản của tôn giáo.

Khảo sát của nhóm tác giả từ năm 2020 đến 2023 cho thấy, những người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ từ bỏ Phật giáo Nam tông để theo các tôn giáo khác vì nhiều lý do, chẳng hạn như do bị thu hút bởi sự mới lạ, hay mong muốn có sự thay đổi trong đời sống, do tò mò, do thay đổi môi trường sống, di cư, lao động ở địa phương khác, một số gia đình nghèo khi theo tôn giáo khác được các chức sắc và tín đồ các tôn giáo đó hỗ trợ... Trên thực tế, có những người Khmer theo tôn giáo khác nhưng họ vẫn là Phật tử vì tổ tiên họ vẫn được thờ trong chùa, ngày giỗ, tết họ vẫn đến chùa. Vậy thực sự việc chuyển đổi đức tin tôn giáo của người Khmer vùng Tây Nam Bộ diễn biến ra sao và do những nguyên nhân gì? Bài viết tập trung làm rõ vấn đề này, trên cơ sở nguồn tư liệu khảo sát thực địa của nhóm tác giả từ năm 2020 đến 2023, đồng thời kế thừa kết quả của các nghiên cứu đi trước.

2. Vài nét về văn hóa, tôn giáo của người Khmer vùng Tây Nam Bộ

Theo một số nhà nghiên cứu đi trước¹, người Khmer là cư dân cấu thành của vương quốc Chân Lạp di cư đến vùng đồng bằng sông Cửu Long từ khoảng thế kỷ XV-XVI. Vào thời điểm này, vùng đất Nam Bộ còn hoang hóa, phần lớn là vùng đầm lầy, kênh

rao và rừng rậm dọc sông Tiền và sông Hậu, một vài nơi có các gò đất nổi cao hơn mặt đồng bằng mà người Việt gọi là “giồng”, còn người Khmer gọi là *phnô*. Những nông dân Khmer theo sông Mekong xuôi dòng về phía đồng bằng Nam Bộ hiện nay tìm nơi cư trú và sinh sống. Đầu tiên họ đến cư trú trên các giồng đất, bắt tay vào công cuộc khai khẩn đất đai và lập các *phum*, *sóc*.

Phum, *sóc* là tổ chức xã hội truyền thống của người Khmer ở Nam Bộ, gần giống như làng, xã của người Việt. *Phum*, *sóc* lúc đầu được thiết lập trên các giồng đất cao, về sau dân số gia tăng, khu vực cư trú của người Khmer mở rộng xuống các vùng thấp, xen kẽ với người Việt, người Hoa. *Phum* là một khoảng đất, với một số gia đình có quan hệ bà con họ hàng với nhau, thường là ngôi nhà của cha mẹ và các ngôi nhà của các con gái, cháu gái đã có gia đình ở xung quanh. Đứng đầu *phum* là *mê phum*, một người đàn ông có vị thế cao trong dòng họ, giống như tộc trưởng của người Việt. *Sóc* bao gồm nhiều *phum* cùng khu vực. Các *sóc* có tên gọi riêng, thường dựa vào vị trí, đặc điểm như Sóc Kandal (sóc giữa giồng), Sóc Xangke (sóc trâm bầu)... Đứng đầu *sóc* có *mê sóc* (người Việt gọi là “chủ sóc”), do các thành viên trong sóc lựa chọn. Trong sóc của người Khmer còn có các *Acha* (người Việt thường gọi là “thầy”) là những trí thức dân tộc Khmer. Các *Acha* có thể là thầy giáo dạy học, các thầy lo các nghi lễ như hôn nhân, tang ma... Trong sóc còn có các thầy cúng (*Krou*) lo các nghi lễ, xem ngày lành tháng tốt, cúng trừ tà ma,... (Tư liệu khảo sát thực địa, 2020-2023).

Mỗi *sóc* của người Khmer có ít nhất một ngôi chùa. Chùa Khmer được xây dựng ở khu vực trung tâm của *sóc*, nơi đất cao ráo, rộng rãi, và có nhiều cây cổ thụ như sao, dầu. Chùa Khmer là một quần thể kiến trúc với nhiều công trình được bao quanh bởi một hàng rào có nhiều hoa văn trang trí. Việc quản lý, điều hành hoạt động của nhà

¹ Xem: Nguyễn Khắc Cảnh (2000: 205), Phan An (1991; 2003), Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990),...

chùa Khmer do vị sãi cả - *Luk Krou* hoặc *Athica* đảm trách. Họ giảng kinh vào buổi tối, ngày lễ, dạy chữ Khmer, Pāli trong chùa, hoặc cũng có khi tham dự đám tang ở một số gia đình trong *phum*, *sóc*. Trợ giúp cho sãi cả trong công việc quản lý chùa có từ một đến hai vị sãi cả nhờ (*Krou Sok*). Các vị sãi cả nhờ được sãi cả chọn trong số những vị sư tu lâu ở chùa, có đức độ và giỏi tính toán, giỏi giao tiếp... Các vị sãi cả nhờ được giao việc quản lý tài chính, tài sản, tiếp khách của chùa (Tư liệu khảo sát thực địa, 2020-2023).

Về số lượng chùa của Phật giáo Nam tông Khmer, có nhiều số liệu thống kê khác nhau. Theo số liệu của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018: 3) các tỉnh, thành phố có Phật giáo Nam tông, tính đến cuối năm 2018 có 462 chùa Khmer. Theo số liệu mới nhất của Ban Tôn giáo Chính phủ (2022: 16), Phật giáo Nam tông Khmer có 7.028 sư sãi.

Theo phong tục tập quán của người Khmer, các bé trai khoảng 12-13 tuổi phải vào chùa tu một thời gian. Trước đó, các em cũng được đến chùa học chữ Khmer, hoặc theo các sư đi khất thực, đến các gia đình trong *sóc* nhận cơm cúng dường cho nhà chùa. Vì vậy, các bé trai Khmer sớm làm quen với đời sống tu tập. Thời điểm các em vào chùa tu do cha mẹ quyết định. Việc vào chùa tu của các bé trai được cha mẹ và họ hàng chuẩn bị kỹ trước đó một thời gian. Gia đình may hai bộ áo cà sa màu vàng, cùng một số vật dụng như bình bát, khăn choàng, các đồ sinh hoạt cá nhân... Vào ngày nhập chùa, gia đình và họ hàng làm một bữa tiệc nhỏ tiễn con. Sau đó, gia đình sẽ cùng bé trai đến chùa và được vị sãi cả, cùng các sư sãi trong chùa tiếp đón theo các nghi thức dành cho người mới bước vào con đường tu. Vị sãi cả sẽ phân công một vị sư hướng dẫn và giúp đỡ người vừa nhập tu, tiếng Khmer gọi là *Opbakchia*. Người đến tu sẽ được làm nghi lễ xuống tóc và mặc áo cà sa, từ đó trở thành một vị sư trong chùa. Những người thân

trong gia đình và trong *sóc* sẽ thay đổi cách ứng xử và giao tiếp với họ, gọi họ là *Luk*, chấp tay chào khi gặp, cũng như không được ngồi ngang hàng, dù rằng người đó là cha mẹ. Sau khi vào chùa tu, các vị sư này có thể về thăm nhà nhưng cha mẹ và họ hàng phải thể hiện sự tôn kính như đối với các vị sư khác. Trong thời gian tu, các vị sư này phải thực hiện một số công việc như luân phiên đi khất thực, dọn dẹp, tu tạo chùa, ban đêm lên chính điện nghe thuyết pháp, thực hành các nghi lễ Phật giáo, đọc kinh sách... Trước đây các chùa Khmer Nam Bộ đều ghi rõ những quy định này trong kinh *Bapachia Khanh* (Tư liệu khảo sát thực địa, 2020-2023).

Trong thời gian tu ở chùa, các vị sư này phải tuân thủ giới luật của hai bậc Sadi và Tỳ kheo. Bạc Sadi phải giữ 105 giới và Tỳ kheo phải giữ 227 giới. Trong số đó có một số giới quan trọng mà các vị sư này cần tuân thủ là: không sát sinh, không trộm cắp, không dâm ô, không lừa gạt, không uống rượu bia, không cất giữ vàng bạc, đá quý... Mỗi buổi tối, sau khi học kinh, nghe kinh, các vị sư ngồi lại để xem xét trong ngày mình có phạm giới hay không và nếu có thì tự đề ra hình phạt trước vị sãi cả. Trong thời gian tu, nếu vị sư nào phạm nhiều giới cấm sẽ bị lột áo tu và buộc hoàn tục (Tư liệu khảo sát thực địa, 2020-2023).

Phật giáo Nam tông đã ăn sâu trong tiềm thức của người Khmer, các lễ nghi, thực hành tôn giáo đã trở thành một phần cuộc sống, thể hiện rõ trong các nghi lễ vòng đời của người dân nơi đây. Vậy tại sao lại có sự chuyên đổi đức tin tôn giáo trong cộng đồng này? Họ cải đạo vì điều gì?

3. Tình hình cải đạo của một bộ phận đồng bào Khmer ở vùng Tây Nam Bộ hiện nay

3.1. Tình hình cải đạo

Tính đến thời điểm cuối năm 2005, toàn vùng Tây Nam Bộ có gần 1.000 người Khmer cải đạo sang Tin Lành và Công giáo (chủ yếu là đạo Tin Lành). Đến cuối năm

2011, có trên 4.881 người Khmer cải đạo. Tính đến năm 2017, số người Khmer theo tôn giáo khác là 4.433 người, trong đó theo đạo Tin Lành là 2.153 người, Công giáo là 2.186 người, đạo Cao Đài là 78 người, Baha'i là 34 người (Theo: Hoàng Minh Đô, Nguyễn Phú Lợi, 2022: 197-198).

Số lượng người Khmer cải đạo từ Phật giáo sang các tôn giáo khác như sau: An Giang và Cà Mau chưa ghi nhận trường hợp nào; Hậu Giang có 203 người (chuyển sang theo Công giáo và đạo Tin Lành); Sóc Trăng có 1.780 người (1.269 người chuyển đạo theo Công giáo, 511 người chuyển đạo theo đạo Tin Lành); Bạc Liêu có 703 người (theo đạo Tin Lành); Trà Vinh có 430 người (theo đạo Tin Lành); Kiên Giang có 18.902 người (chuyển sang theo Công giáo là 422 người, đạo Tin Lành là 562 người, đạo Cao Đài là 54 người, Phật giáo Hòa Hảo là 33 người, Tịnh Độ Cư sĩ là 43 người). Ngoài ra, ở 11 tỉnh Tây Nam Bộ có 17.788 người Khmer theo Phật giáo Bắc tông và Khất sĩ (Theo: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 2019).

Theo thống kê, năm 2011 toàn vùng có 2.833 người Khmer ở 5/13 tỉnh của vùng Tây Nam Bộ theo Công giáo, trong đó đông nhất là tỉnh Sóc Trăng 1.814 người, kế đến là tỉnh Kiên Giang 556 người, tỉnh Trà Vinh 364 người, thành phố Cần Thơ 82 người và tỉnh Vĩnh Long 17 người. Hiện nay, số người Khmer theo Công giáo là 4.119 người (Hoàng Minh Đô, Nguyễn Phú Lợi, 2022: 199).

Công giáo đã du nhập vào cộng đồng người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ và thành lập một số họ đạo, như Họ đạo Trung Bình Khmer, còn gọi là nhà thờ Micae (hiện nay thuộc xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, thuộc Giáo phận Cần Thơ), do một linh mục người nước ngoài là Charles Keller đến truyền đạo và thành lập năm 1888 (Theo: Trần Hồng Liên, 2002: 96). Họ đạo có 993 giáo dân là người dân tộc Khmer, 1.100 giáo dân người Kinh. Sự phát triển tín

đồ là người Khmer của họ đạo Trung Bình Khmer từ năm 1888 đến 2014 như sau: năm 1888 có 30 hộ người Khmer, năm 1970 có 195 tín đồ, năm 1995 có 46 hộ với 236 tín đồ, năm 1996 có 63 hộ với 264 tín đồ, năm 1999 có 63 hộ với 341 tín đồ, năm 2000 tăng lên 580 tín đồ. Còn theo linh mục Chánh xứ Huỳnh Văn Ngợi, năm 2014 có 993 tín đồ là người Khmer¹ (Trần Hồng Liên, 2002).

Nhìn chung, cộng đồng người Khmer theo Công giáo khá ổn định, sinh hoạt tôn giáo diễn ra bình thường. Qua khảo sát thực địa của nhóm tác giả cho thấy, Công giáo đang từng bước hội nhập vào nền văn hóa Khmer hoặc có xu hướng dung hợp giữa văn hóa Khmer với văn hóa Việt và văn hóa của cộng đồng người Hoa ở Tây Nam Bộ. Điều này biểu hiện trên các phương diện như kiến trúc, điêu khắc tượng, hội họa và âm nhạc.

Về tình hình cải đạo sang *Tin Lành*, theo của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ năm 2011, đã có 6/13 tỉnh, thành trong khu vực có tín đồ đạo Tin Lành là người Khmer, với tổng số tín đồ là 2.035 người, chiếm 3% số tín đồ đạo Tin Lành trong khu vực và chiếm 0,18% số người Khmer trong khu vực. Đến năm 2015, tỉnh Kiên Giang có tín đồ đạo Tin Lành là người Khmer đông nhất với 754 người (chiếm 12,14% số tín đồ đạo Tin Lành của tỉnh); tỉnh Sóc Trăng có 650 tín đồ đạo Tin Lành là người Khmer (chiếm 17,59% số tín đồ đạo Tin Lành của

¹ Linh mục Huỳnh Văn Ngợi là người Việt, được đào tạo tại Đại Chủng viện Nam Vang, biết chữ và văn hóa Khmer. Trước đây, ông làm việc phục vụ cho cộng đồng người Việt theo Công giáo tại Campuchia. Năm 2006, ông về nước và được giao làm Chánh xứ Trung Bình cho đến nay. Từ năm 2008-2010, ông tiến hành xây dựng Nhà thờ Micae với lối kiến trúc hài hòa mang dáng dấp của ngôi chùa Khmer: không gian nhà thờ được thiết kế hình thánh giá (của Công giáo), mái nhà thờ gồm nhiều lớp chồng lên nhau với độ dốc cao (mô típ chùa Khmer), lợp ngói màu nâu, một số hoa văn, họa tiết trang trí cũng mang dáng dấp Khmer (Trần Hồng Liên, 2002).

tỉnh); tỉnh Trà Vinh có 430 tín đồ đạo Tin Lành là người Khmer (chiếm 33,43% số tín đồ đạo Tin Lành của tỉnh); tỉnh Bạc Liêu có 89 tín đồ đạo Tin Lành là người Khmer (chiếm 9,26% tín đồ đạo Tin Lành của tỉnh); Vĩnh Long có 86 tín đồ đạo Tin Lành là người Khmer (chiếm 1,16% tổng số tín đồ đạo Tin Lành của tỉnh và chiếm 0,35% tổng số người Khmer trong tỉnh). Riêng thành phố Cần Thơ có số người Khmer theo đạo Tin Lành ít hơn, chỉ có 26 người. Đến năm 2017, toàn vùng có 2.153 người Khmer theo đạo Tin Lành (Dẫn theo: Trần Hữu Hợp, 2017: 103-104).

Khảo sát thực địa của nhóm tác giả từ năm 2020 đến 2023 cho thấy, mặc dù số lượng người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ theo đạo Tin Lành ít hơn người Khmer theo Công giáo, song địa bàn lại trải rộng ở nhiều tỉnh hơn. Đáng lưu ý, Công giáo tuy đã du nhập vào cộng đồng người Khmer cách đây khá lâu và đã tạo nên những cộng đồng giáo dân khá ổn định, song đến nay vẫn chưa có chức sắc Công giáo nào là người Khmer mà chỉ có người Việt. Ngược lại, đạo Tin Lành dù du nhập vào người Khmer sau Công giáo, số lượng tín đồ là người Khmer cũng ít hơn Công giáo, song đến nay đã có 02 mục sư, 04 truyền đạo. Điều này phần nào chứng tỏ rằng, đạo Tin Lành rất chú ý đến việc đào tạo giáo sĩ người địa phương làm nòng cốt cho lực lượng truyền giáo.

3.2. Nguyên nhân cải đạo

Việc một bộ phận người Khmer thay đổi tôn giáo là một hiện tượng giao lưu văn hóa, điều này diễn ra tự nhiên trong quá trình cộng cư với tộc người khác, trong quá trình ấy một bộ phận người Khmer đã tiếp nhận một số yếu tố văn hóa từ bên ngoài tộc người.

Xét về mặt thời gian, sự chuyển đổi tôn giáo của một bộ phận người Khmer đã diễn ra từ khá lâu, ngày nay hiện tượng này vẫn đang tiếp tục diễn ra và dường như rõ nét

hơn. Người Khmer không chỉ chuyển sang Công giáo, Tin Lành mà còn chuyển sang một số tôn giáo khác như Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài.

Xét về mặt số lượng, người Khmer chuyển sang tôn giáo khác chiếm tỷ lệ rất nhỏ: Công giáo là 0,23%, đạo Tin Lành là 0,18% so với dân số người Khmer trong khu vực. Tuy nhiên, nếu so sánh tín đồ đạo Tin Lành là người Khmer với tổng số tín đồ đạo Tin Lành của từng tỉnh thì có thể thấy tỷ lệ là đáng kể: ở Trà Vinh là 33,43%; ở Sóc Trăng là 17,59%; ở Kiên Giang là 12,14%; ở Bạc Liêu là 9,26% (Trần Hữu Hợp, 2017: 103-104). Điều này chứng tỏ đạo Tin Lành rất quan tâm truyền giáo vào vùng đồng bào Khmer và việc truyền giáo đã đạt được kết quả nhất định. Một số người Khmer đã được đào tạo thành truyền đạo, mục sư.

Có thể thấy, đời sống của một bộ phận đồng bào Khmer còn khó khăn. Do được các tổ chức truyền đạo tích cực hỗ trợ về mặt vật chất (hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi, tiền, gạo, xe đạp, tôn lợp nhà,...) nên số lượng người Khmer theo đạo Tin Lành tăng lên trong những năm gần đây, đặc biệt là những hộ nghèo. Thêm nữa, chủ trương của đạo Tin Lành là phát triển kinh tế, các yếu tố này phù hợp với nhu cầu cải thiện cuộc sống của người dân (Tư liệu khảo sát thực địa, 2020-2023).

Ngoài ra, những giá trị mà Công giáo hoặc đạo Tin Lành đem đến cho các tín đồ đã thu hút một bộ phận người Khmer cải đạo để theo các tôn giáo này, nhất là những người sống xa cộng đồng. Một số người chuyển đạo là những người trước đây ít đi chùa hoặc sinh hoạt ở những chùa có vấn đề mất đoàn kết nội bộ. Cũng có một số người chuyển đạo vì nhu cầu tín ngưỡng, vì họ nhận thức rằng giá trị tín lý của đạo Tin Lành có những yếu tố mà họ thấy phù hợp hoặc đáp ứng nhu cầu cuộc sống của họ như: cấm hút thuốc, cấm uống rượu... (Tư liệu khảo sát thực địa, 2020-2023).

Một số hệ phái của đạo Tin Lành thực hiện phương châm “Mỗi nhà thờ là một trung tâm truyền đạo, mỗi tín đồ là một chứng nhân”, mở rộng phương thức truyền giảng tại nhà thờ sang các điểm nhóm, xóm ấp, hộ gia đình, bệnh viện, trường học, nhà trọ. Các hình thức truyền đạo được thực hiện đa dạng khi phân phối sách báo, tài liệu, băng đĩa tôn giáo, giới thiệu đài phát thanh đạo Tin Lành nước ngoài... Việc truyền đạo chủ yếu do mục sư, truyền đạo, chức sắc, chức việc, tín đồ của các địa phương đảm nhiệm, có sự tác động hỗ trợ của một số tổ chức, cá nhân nước ngoài (Tư liệu khảo sát thực địa, 2020-2023).

Với những người Khmer rời quê hương đi làm ăn xa, họ đã được các mục sư và truyền đạo tự nguyện đến giúp đỡ với mục đích để truyền đạo. Một số người trong số này khi về địa phương đã được bồi dưỡng trở thành những nhà truyền giáo trong vùng đồng bào dân tộc. Hoặc một số Việt kiều ở nước ngoài hoặc khi về nước thăm thân cũng hỗ trợ các cá nhân và điểm nhóm trong việc truyền đạo (Tư liệu khảo sát thực địa, 2020-2023).

Có thể thấy, phần lớn những người Khmer cải đạo, từ bỏ đức tin truyền thống thường bị cộng đồng coi là những người thuộc thành phần “đứng bên lề” trong cộng đồng của mình. Hoặc họ là những người nghèo khó ít hoặc không có cơ hội hội nhập với cộng đồng (do phải đi làm thuê kiếm sống, làm việc xa quê), không có điều kiện tham gia sinh hoạt chung (chẳng hạn đi lễ chùa) với cộng đồng dân cư trong *phum*, *sóc* nên dần dần rời xa những sinh hoạt và ràng buộc của cộng đồng. Cũng có một bộ phận không phải người Khmer thuần túy, mà do hôn nhân khác tộc với người Hoa, người Việt sinh ra. Bởi vậy, cái “căn tính” tộc người Khmer trong họ có phần phai nhạt, họ có thể dễ dàng chuyển đạo, đổi đạo hơn những người Khmer gốc.

Bộ phận người Khmer cải đạo dù số lượng không nhiều nhưng cũng là một tín

hiệu cho thấy sự biến đổi về nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của người dân Khmer trong đời sống xã hội hiện nay. Sự xuất hiện của các tôn giáo khác ngoài Phật giáo đã dẫn đến những biến đổi trong truyền thống, thay đổi bản sắc văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của người Khmer, đây cũng là điều cần lưu ý.

4. Một số nhận xét và kết luận

Như vậy, quá trình chuyển đổi tôn giáo của người Khmer có nhiều nguyên nhân và qua nhiều thời điểm khác nhau như chúng tôi đã phân tích ở trên.

Để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, tôn giáo của người Khmer, cần có sự chung tay của Nhà nước, chính quyền địa phương, các nhà sư và nhà nghiên cứu. Bên cạnh đó, Nhà nước cần có những hỗ trợ, điều chỉnh về chính sách dân tộc - tôn giáo đối với các tộc người thiểu số trong đó có người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ để nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển. Cần huy động mọi nguồn lực, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc Khmer; giải quyết tốt vấn đề dân tộc gắn với vấn đề tôn giáo; chăm lo, củng cố, xây dựng hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc Khmer trong sạch, vững mạnh; tăng cường công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; quản lý lãnh thổ biên giới vùng đồng bào dân tộc Khmer.

Phật giáo Nam tông Khmer giữ vai trò là tôn giáo của tộc người này, góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của người Khmer. Sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống của người Khmer. Là người có học vấn, cả về Phật học và thế học, hiểu biết xã hội, đại diện ưu tú nhất của cộng đồng Khmer nên họ có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng của quần chúng và được người Khmer sùng kính. Do đó, thông qua đội ngũ sư sãi, có

thể truyền đạt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến tín đồ, đồng bào Khmer, góp phần quan trọng trong đấu tranh chống các đối tượng lợi dụng tôn giáo để chống phá Nhà nước.

Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước các địa phương đã và đang tham gia vận động giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xóa bỏ tập tục lạc hậu; tổ chức dạy chữ Khmer cho thanh, thiếu niên Khmer nhằm gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc Khmer, vừa tuyên truyền để đồng bào thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giúp sư sãi và Phật tử có ý thức giữ gìn văn hóa tộc người, góp phần giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong cộng đồng người Khmer ở một số địa phương đã có hiện tượng chuyển đạo theo đạo khác. Trong thời gian gần đây, do sự tác động, sức hút của một số tôn giáo khác mà một số người Khmer đã đăng ký gia nhập Công giáo, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài..., nhất là theo đạo Tin Lành. Đây là một vấn đề rất đáng quan tâm, lưu ý trong công tác tuyên truyền, vận động và quản lý trong công tác dân tộc và tôn giáo □

Tài liệu tham khảo

1. Phan An (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phan An (2003), “Phật giáo trong đời sống của người Khmer Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5, tr. 20-24.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2022), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), *Báo cáo công tác hỗ trợ hoạt động Phật giáo Nam tông Khmer (2004-2018) của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, ngày 18/10/2018.
5. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990), *Văn hoá và cư dân đồng*

bằng sông Cửu Long, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Nguyễn Khắc Cảnh (2000), “Quá trình hình thành tộc người của người Khmer từ thế kỷ VI đến thế kỷ XIII”, trong: *Văn hóa Nam Bộ trong không gian xã hội Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trương Văn Chung (2017), *Chuyển đổi tôn giáo: Một số vấn đề lý thuyết và lịch sử*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Hoàng Minh Đô, Nguyễn Phú Lợi (2022), *Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
9. Henri Gooren (2010), *Religious conversation and disaffiliation tracing patterns of change in faith practices*, Palgrave Macmillan, New York.
10. Trần Hữu Hợp (2017), “Sự cải giáo của một bộ phận người Khmer vùng Tây Nam bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3&4.
11. Đỗ Quang Hưng (2015), “Xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 07, tr. 3-21.
12. Trần Hồng Liên (chủ biên, 2002), *Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Sóc Trăng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Huỳnh Lứa (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2019), *Báo cáo Tình hình hoạt động Phật giáo Nam tông Khmer của các tỉnh, thành phố*, tháng 9/2019.
15. Võ Thành Văn (2014), “Thử bàn về niềm tin đời thường và niềm tin tôn giáo”, *Nguyệt san Giác Ngộ*, Phụ trương nghiên cứu Phật học của *Báo Giác ngộ*, số 215, tháng 2/2014.